

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 01/1999/TT-NHNN7

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/08/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối

Căn cứ Điều 45 của Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định về quản lý ngoại hối như sau:

PHẦN THỨ NHẤT NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Chương I

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

MỤC I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có ngoại hối và hoạt động ngoại hối.

MỤC II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

- Tại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mọi hoạt động ngoại hối của tổ chức, cá nhân phải tuân theo các quy định của Nghị định về quản lý ngoại hối và thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Ngân hàng Nhà nước tại thông tư này và các quy định pháp luật khác về ngoại hối và hoạt động ngoại hối.
- Tại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoại hối chỉ được lưu hành qua Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cho phép hoạt động ngoại hối và qua các tổ chức, cá nhân được phép hoạt động ngoại hối theo quy định tại Thông tư này.

Người cư trú, người không cư trú là tổ chức hoặc cá nhân được phép thu ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam theo các quy định dưới đây:

- a. Người cư trú là tổ chức và cá nhân nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản theo các hợp đồng uỷ thác xuất nhập khẩu (giữa hai đơn vị uỷ thác và nhận uỷ thác);
- b. Người cư trú là tổ chức nhận ngoại tệ chuyển khoản thông qua việc thực hiện điều chuyển ngoại tệ trong nội bộ (giữa đơn vị có tư cách pháp nhân với đơn vị hạch toán phụ thuộc và ngược lại);
- c. Người cư trú, người không cư trú là tổ chức được phép làm các dịch vụ quốc tế thuộc các ngành hàng không, hàng hải, bưu chính viễn thông, bưu điện, bảo hiểm, du lịch được thu ngoại tệ bằng chuyển khoản theo các quy định sau đây:

Hàng không: Được thu ngoại tệ từ việc:

- Bán các chứng từ vận chuyển hành khách, hàng hoá các tuyến đường bay quốc tế cho mọi đối tượng;
- Bán các chứng từ vận chuyển hành khách, hàng hoá các tuyến đường bay nội địa cho người không cư trú.
- Cung ứng các dịch vụ đại lý hoa tiêu, cung ứng nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác cho các tổ bay của nước ngoài tại các sân bay quốc tế của Việt Nam.

Hàng hải: Được thu ngoại tệ từ việc:

- Bán các chứng từ vận chuyển hàng hải, các tuyến đường biển quốc tế cho mọi đối tượng;
- Bán các chứng từ vận chuyển hành khách, hàng hoá các tuyến nội địa cho người không cư trú;
- Cung ứng các dịch vụ đại lý hoa tiêu, cảng, biển, cung ứng nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác cho các hãng tàu biển nước ngoài tại các cảng biển của Việt Nam.

Bưu điện - Bưu chính viễn thông: Được thu ngoại tệ từ việc cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế cho người không cư trú là tổ chức và cá nhân tại Việt Nam.

Bảo hiểm: Được thu phí bằng ngoại tệ từ việc:

- Bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu, bảo hiểm vận chuyển hàng không, hàng hải quốc tế, bảo hiểm về dầu khí của mọi đối tượng;
- Bảo hiểm đối với các tổ chức và cá nhân người không cư trú ở tại Việt Nam.

Du lịch: Được thu ngoại tệ từ việc tổ chức các chuyến đi du lịch quốc tế cho mọi đối tượng.

d. Người cư trú là tổ chức làm đại lý đổi ngoại tệ cho Ngân hàng được thu ngoại tệ từ các bàn đổi ngoại tệ. Việc đổi ngoại tệ thực hiện theo Quy chế bàn đổi ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước quy định.

đ. Người cư trú là tổ chức kinh doanh bán hàng miễn thuế và cung ứng dịch vụ ở khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế (Sân bay, hải cảng, cửa khẩu đường bộ) và kho ngoại quan được niêm yết giá bằng ngoại tệ và nhận ngoại tệ từ việc bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ.

e. Người cư trú là cơ quan thuế, cơ quan hải quan, cơ quan công an cửa khẩu và các cơ quan khác được thu các loại thuế, phí thị thực nhập cảnh tại các cửa khẩu quốc tế và các loại phí khác bằng ngoại tệ theo các quy định của pháp luật về thuế, phí;

g. Người cư trú là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh trụ sở, văn phòng làm việc, khách sạn, bệnh viện quốc tế, trường học quốc tế và kinh doanh các dịch vụ khác được phép nhận ngoại tệ chuyển khoản của người không cư trú để thanh toán tiền thuê nhà, thuê trụ sở làm việc, khách sạn hoặc thanh toán các loại viện phí, học phí và thanh toán cho các dịch vụ khác.

h. Người không cư trú là cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam được phép thu phí Visa, phí lãnh sự và các loại phí khác bằng ngoại tệ theo quy định trong điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia;

i. Người cư trú là nhà thầu nước ngoài được nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản từ chủ đầu tư; các nhà thầu phụ được nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản từ các nhà thầu chính theo các hợp đồng thầu đã ký kết;

k. Người cư trú là doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng, siêu thị, cửa hàng được Ngân hàng uỷ nhiệm cho làm đơn vị chấp nhận thẻ thanh toán quốc tế được nhận thanh toán từ khách hàng các loại thẻ có giá trị bằng ngoại tệ theo thông lệ quốc tế.

Việc thanh toán giữa ngân hàng thanh toán thẻ với đơn vị chấp nhận thẻ chỉ được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

l. Người cư trú là tổ chức được nhận thanh toán bằng ngoại tệ chuyển khoản từ các doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp trong khu chế xuất theo các hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ.

m. Người cư trú, người không cư trú là cá nhân được phép lưu hành ngoại hối dưới các hình thức cất giữ, mang theo người, được nhận ngoại tệ từ nước ngoài gửi về, được chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích được phép, được gửi ngoại tệ vào Ngân hàng dưới hình thức tiền gửi ngoại tệ cá nhân hoặc gửi tiết kiệm ngoại tệ theo các quy định tại Thông tư này;

Trên lãnh thổ Việt Nam, nghiêm cấm người cư trú, người không cư trú là tổ chức, cá nhân mua bán, thanh toán, cho vay với nhau bằng ngoại tệ và niêm yết giá hàng hoá, dịch vụ bằng ngoại tệ trừ trường hợp được phép quy định trong Thông tư này.

n. Người không cư trú và người cư trú là người nước ngoài được nhận lương, thưởng, phụ cấp bằng ngoại tệ tiền mặt hoặc chuyển khoản.

o. Những trường hợp khác được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Đối với vàng tiêu chuẩn quốc tế thì việc lưu hành được quy định cụ thể tại Chương II Phần thứ sáu Thông tư này.

3. Người cư trú là tổ chức có các khoản thu ngoại tệ tiền mặt theo quy định tại điểm

2. (đ) Mục II Chương I Phần thứ nhất thông tư này phải có giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt ở trong nước do Ngân hàng Nhà nước cấp.

Hồ sơ xin cấp giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý Ngoại hối) bao gồm:

a. Đơn xin cấp giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt (Phụ lục 1);

b. Bản sao công chứng quyết định thành lập hoặc quyết định đặt văn phòng của tổ chức;

c. Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép bán hàng miễn thuế hoặc làm các dịch vụ quốc tế. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước sẽ thực hiện việc cấp hoặc từ chối cấp giấy phép cho tổ chức. Trường hợp từ chối cấp giấy phép phải trả lời cho tổ chức bằng văn bản về lý do từ chối.

Giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt do Ngân hàng Nhà nước cấp là cơ sở để tổ chức nộp ngoại tệ tiền mặt vào tài khoản tại Ngân hàng.

Các tổ chức có giấy phép bán hàng và dịch vụ thu ngoại tệ tiền mặt đã được Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn tiếp tục được hoạt động theo giấy phép đã cấp và phải chấp hành các quy định đã ghi trong giấy phép về thu ngoại tệ tiền mặt và phạm vi hoạt động kinh doanh thu ngoại tệ tiền mặt.

Riêng đối với các khoản thu bằng ngoại tệ tiền mặt của các tổ chức người cư trú và người không cư trú quy định tại điểm 2. (e) và 2. (h) Mục II Chương I Phần thứ nhất Thông tư này thì được phép thu theo các quy định của pháp luật, không cần phải xin phép Ngân hàng nhưng khi nộp ngoại tệ tiền mặt vào Ngân hàng phải có công văn giải trình rõ cho Ngân hàng về nội dung các khoản ngoại tệ thu được.

Các trường hợp khác được phép thu ngoại tệ quy định tại điểm 2 Mục II Chương I Phần thứ nhất thông tư này có phát sinh nhu cầu thu ngoại tệ tiền mặt thì được thực hiện thu ngoại tệ dưới hình thức làm đại lý đổi ngoại tệ cho Ngân hàng. Việc sử dụng ngoại tệ thực hiện theo quy chế bàn đổi ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước quy định.

4. Hoạt động ngoại hối tại khu vực biên giới giữa Việt Nam với các nước có chung biên giới và khu chế xuất được thực hiện theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II

ÁP DỤNG ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, TẬP QUÁN QUỐC TẾ